

Vị trí của văn học Phật giáo Thuận Quảng thế kỷ XVII – XVIII trong nền văn học Phật giáo Việt Nam

Phan Thanh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Hà Nội

Email liên hệ: thichchando@gmail.com

Tóm tắt: Sự hình thành vùng Thuận Quảng - Đàng Trong mang tính lịch sử và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của văn học dân tộc. Chúa Nguyễn đã có nhiều chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo nên hệ tư tưởng tôn giáo này đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa xã hội, tạo ra dòng văn học Phật giáo Thuận Quảng với lực lượng sáng tác, chủ đề đề tài, thể loại và ngôn ngữ mang những nét riêng biệt. Bài viết này đánh giá vai trò và khẳng định vị trí của dòng văn học Phật giáo Thuận Quảng trong nền văn học Việt Nam.

Từ khóa: Chúa Nguyễn, vùng Thuận Quảng, văn học Phật giáo, vị trí văn học

The position of Thuan Quang Buddhist literature in 17th - 18th century in the Vietnamese Buddhist literature

Abstract: The formation of Thuan Quang - Đàng Trong (inner land, South region of Viet Nam) not only has historical significance but also plays an important role in the development of the national literature. The Nguyen Lords issued various policies prioritizing Buddhism, which had profoundly affected the country's socio-cultural life and formed Thuan Quang Buddhist literature with its unique composers, themes, genres, and languages. This article assesses the role and confirms the position of Thuan Quang Buddhist literature in the Vietnamese literature.

Keywords: The Nguyen Lords, Thuan Quang region, Buddhist literature, the position of literature

Ngày nhận bài: 01/06/2020

Ngày duyệt đăng: 01/11/2020

1. Đặt vấn đề

Sự hình thành vùng Thuận Quảng - Đàng Trong mang tính lịch sử và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của văn học dân tộc. Các thiền phái lớn đã du nhập vào Thuận Quảng như thiền phái Trúc Lâm, thiền phái Lâm Tế, thiền phái Tào Động, đặc biệt sự phát tích hai dòng thiền tại Thuận Quảng là dòng thiền Liễu Quán và dòng thiền Chúc Thánh. Phật giáo phát triển và ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội, trong đó có sự ảnh hưởng đến giới Nho sĩ sáng tác văn chương. Nghiên cứu này tập trung làm rõ những tiền đề Phật giáo vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII – XVIII; văn học Phật giáo – bộ phận cấu thành văn học Thuận Quảng thế kỷ XVII – XVIII; văn học Phật giáo Thuận Quảng trung chuyển những giá trị của văn học Phật giáo Đàng Ngoài.

2. Thuận Quảng thế kỷ XVII - XVIII và những tiền đề Phật giáo

Người Việt đặt chân lên vùng đất mới - Thuận Quảng, dù mang gốc tích văn hóa Việt đi theo nhưng những ngày đầu vẫn không thể không e dè trước cội rễ văn hóa của người tiền

trú - dân tộc Chăm. Trong một xã hội có nhiều nhóm dân cư mang nguồn gốc, thành phần phong tục tín ngưỡng khác nhau thì nhu cầu thống nhất, hợp quần luôn được đặt ra và là một đòi hỏi bức thiết. Đứng trước sự lựa chọn con đường xây dựng vùng Thuận Quảng, kể từ chúa Nguyễn Hoàng đã có sự chú ý đến việc tổng hòa các hệ tư tưởng ở vùng đất mới. Với việc xây dựng chùa Thiên Mụ năm 1602 bên dòng sông Hương là sự kiện thể hiện ý đồ dung hòa tư tưởng của chúa Nguyễn.

Sau đời chúa Nguyễn Hoàng, các chúa Nguyễn đã có nhiều hoạt động cụ thể hơn trong việc dung hòa các hệ tư tưởng để ổn định và phát triển vùng Thuận Quảng ngày một thịnh vượng. Chính quyền chúa Nguyễn đã khôn khéo chọn Phật giáo làm tư tưởng chủ đạo, bản lề trong việc gắn kết lòng dân. Li Tana cho rằng: “Trong tình hình mới này, các nhà lãnh đạo họ Nguyễn cảm thấy cần phải đưa ra một cái gì khác với tín ngưỡng của người Chăm để củng cố các di dân người Việt về mặt tinh thần và tâm lý. Không thể sử dụng Khổng giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống người Việt ở phía Bắc. Trong những hoàn cảnh đó, Phật giáo Đại thừa đã cung cấp một giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ Nguyễn. Phật giáo, một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác, làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề tính hợp pháp của những người cai trị” (Li Tana, 2016, tr.222). Các đời Chúa Nguyễn đã nhiệt tình trong việc ủng hộ Phật giáo bằng nhiều động thái cụ thể như xây dựng chùa chiền, bảo tháp, thỉnh cao tăng, mở giới đàn... Theo *Hải Ngoại ký sự* của Thích Đại Sán (2015), khi thiền sư đến Đàng Trong thì đa số cư dân Việt tại đây đều tin theo đạo Phật và thờ Phật: “Nay xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn” [6, tr.46]. Điều đó chứng tỏ trước khi Thích Đại Sán đến đây thì phần đông cư dân Việt ở Thuận Quảng đã theo đạo Phật và mộ Phật, chùa chiền được xây dựng rất nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho các tông phái mới du nhập và phát triển.

Được sự ủng hộ của chúa Nguyễn, các vị cao tăng thạc đức đã đến truyền giáo, khai mở các dòng thiền tại Thuận Quảng. Phật giáo Thuận Quảng không chỉ tiếp nối dòng chảy Phật giáo Đại Việt từ Đàng Ngoài, theo những lưu dân đến đây mà còn có sự du nhập trực tiếp từ các nước khác. Những vị danh tăng ban đầu có thể kể đến là các thiền sư Viên Khoan, Viên Cảnh, Hương Hải... Năm 1665, Thiền sư Nguyên Thiều dòng Lâm Tế từ Trung Hoa sang phủ Quy Ninh (Bình Định) hoàng pháp, được chúa Nguyễn Phúc Tần thỉnh mời ra Thuận Hóa để giảng kinh. Dưới thời chúa Phúc Tần có Tổ Giác Phong, Tổ Từ Lâm, Tổ Khắc Huyền... đã khai sơn nhiều ngôi chùa lớn. Cuối thế kỷ XVII, chúa Nguyễn Phúc Chu mời thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán thuộc phái Tào Động (Trung Hoa) sang mở giới đàn truyền giới tại chùa Thiền Lâm. Kinh sách, tượng, Pháp khí... được thỉnh mua từ Trung Hoa giúp cho Phật giáo Thuận Quảng có nhiều thay đổi, dung hòa với Phật giáo Đại Việt từ Đàng Ngoài và Phật giáo Chăm tạo nên một Phật giáo gần gũi, đa sắc có thể thực hiện trọn vẹn những nhu cầu đặt ra của xã hội.

Trong hai thế kỷ XVII - XVIII, Thuận Quảng đã có mặt năm dòng thiền lớn, gồm: dòng thiền Tào Động, dòng thiền Lâm Tế được truyền vào từ Trung Quốc; dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử truyền vào từ Đàng Ngoài; hai dòng thiền nội sinh, phát tích tại vùng đất Thuận Quảng là dòng thiền Liễu Quán do thiền sư Thiệt Diệu Liễu Quán sáng lập tại Thuận Hóa và dòng thiền Chúc Thánh do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo sáng lập tại Quảng Nam. Sự phát tích của hai dòng thiền trên đất Thuận Hóa, Quảng Nam đã khẳng định vị thế Phật giáo Thuận Quảng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng và lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung.

3. Văn học Phật giáo - bộ phận cấu thành văn học Thuận Quảng thế kỷ XVII - XVIII

Ảnh hưởng trong đời sống xã hội, Phật giáo đã trở thành chủ đề, đề tài phản ánh trong văn học Thuận Quảng. Đầu tiên, là sự ghi nhận vai trò của Phật giáo đối với xã tắc, với chính quyền, với vùng đất mới. Tác phẩm văn học Thuận Quảng đã ca ngợi công lao của Phật giáo trong việc hỗ trợ chính quyền ổn định xã hội, kết nối lòng dân. Tư tưởng giải thoát và dẫn thân nhập thế của Phật giáo được cụ thể hóa với chủ trương “cư Nho mộ Thích” của chúa Nguyễn. Trong văn bia *Ngự kiến Thiên Mục*, Nguyễn Phúc Chu viết: “Hàm tánh thiện dĩ vi tông, Cánh tâm lương nhi ứng sự; cư Nho mộ Thích, dĩ chính trị vô bất hành nhân, tín đạo sùng tăng tựu nhân quả nhi tư chủng phước thừa bình quốc giới an lạc thân tâm” (Nguyễn lấy tính thiện làm tôn chỉ, lấy lòng lành mà ứng xử muôn việc. Sống và làm theo Nho mà lòng mộ đạo Phật, vì làm chính trị không thể không thi hành điều nhân, tin đạo trọng tăng, luôn nghĩ điều nhân quả mà lo trồng phước, đất nước thái bình, thân tâm an lạc) (Giới Hương, 1994, tr.12-14). Các chúa đi đầu trong việc đề cao Phật giáo chứng tỏ chủ ý sử dụng Phật giáo để làm bản lề định hướng tư tưởng của xã hội. Gắn Phật giáo với cuộc sống, với sự thịnh đạt của vương quyền cũng chính là cầu mong cho xã hội được an tồn, thừa nhận vai trò của Phật giáo.

Thứ hai, ghi nhận công lao và ca ngợi đức hạnh của các vị thiền sư nổi tiếng. Những cao tăng thạc đức này trở thành những chủ đề, nguồn cảm hứng sáng tạo văn học. Thiền sư Nguyên Thiều có công trong việc khai lập chùa Thập Tháp Di Đà ở Quy Ninh và chùa Hà Trung, chùa Quốc Ân ở Thuận Hóa. Sau khi viên tịch đã được chúa Nguyễn Phúc Thụ (Chú) ban cho thụy hiệu là Hạnh Đoan thiền sư và viết văn bia cùng bài minh ca ngợi công hạnh với lời văn thắm thiết: “Hồi quang tự chiếu, phân điều chiết lý, đàm cập huyền vi, tải bị tiền môn, tiết ngụ tịch chơn, khai tư hậu học thọ cụ giới, độ tứ chúng nhưn đẳng” (Luận lẽ nhiệm mầu thông suốt tất cả những gì trước đây mình đã nghe, diệt trừ tà ngụy tiếp nối nguồn cơn, khai mở cho hàng hậu học thọ Cụ túc giới, giáo hóa bốn chúng) (Giới Hương, 1994, tr.116). Chúa Nguyễn Phúc Khoát ban thụy cho Thiền sư Liễu Quán - Tổ sư khai sáng dòng thiền Lâm Tế Liễu Quán là Chánh Giác Viên Ngộ Hòa thượng, được thiền sư Thiện Kế ghi lại trong văn bia *Sắc tứ Lâm Tế chánh tông, đệ tam thập ngũ thế, Liễu Quán Hòa thượng, thụy Chánh Giác Viên Ngộ Hòa thượng bi minh*. Còn Hòa thượng Trung Đình là một vị thiền sư ngộ đạo, sau khi viên tịch được Hòa thượng Pháp Vân ca ngợi bằng bài thơ thất ngôn bát cú,... Thơ văn ca ngợi công hạnh các bậc thiền sư liễu ngộ Phật pháp là những tác phẩm có giá trị của văn học Thuận Quảng.

Thứ ba, phong cảnh thiền môn Phật tự trở thành những đề tài sáng tác của văn học Thuận Quảng. Việc ca ngợi danh sắc, cảnh đẹp chốn thiền môn cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của non sông đất nước. Chùa Thập Tháp do thiền sư Nguyên Thiều xây dựng được chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát ban tặng cho câu đối:

Phật tánh viên dung, trạm nhược hư không mạc năng trắc kỳ viên tế

Pháp thân vô tướng, hạo như cảo nhật thực cảm nghĩ kỳ cao minh.

(Phật tánh viên dung vắng lặng như hư không thấu suốt không gian không giới hạn.

Pháp thân vô tướng, sáng lòa như mặt nhật bao trùm cao rộng tỏa quang minh) (Nguyễn Hiền Đức, 1995, tr.112).

Việc ca ngợi danh thắng thiền môn Phật tự chính là ca ngợi vẻ đẹp của đất nước, của giang sơn mà chúa Nguyễn đang trị vì. Qua đó thể hiện một sự thịnh đạt, phồn vinh và an bình của lãnh thổ. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã ca ngợi cảnh đẹp của vùng đất mới cũng là ca ngợi hình ảnh ngôi chùa:

*Việt quốc chi nam hể giai thủy giai sơn
 Bảo sát chi tráng hể nhật chiếu thiên quan
 Tính chi thanh tịnh hể khê hưởng sần sần
 Quốc chi điện an hể tứ cảnh u nhân
 Vô vi chi hóa hể nho thích đồng ban
 Kí tư thắng khái hể nhân quả hồi hoàn
 Kiến tiêu lập đích hể thành tồn tà nhân.
 (Phương Nam nước Việt chừ vững núi đẹp non
 Chùa viện hùng tráng chừ tuệ nhật soi cửa
 Nội tâm thanh tịnh chừ nước từ bi thấm
 Đất nước yên ổn chừ bốn phương êm ấm
 Pháp hóa vô vi chừ Phật Nho thuận đạo
 Viết lời cảm khái chừ nhân quả vuông tròn
 Dựng bia lưu niệm chừ, chánh còn tà tiêu) (Giới Hương, 1994, tr.26).*

Phật giáo không chỉ là đề tài được ca ngợi trong văn học Thuận Quảng mà còn là một đối tượng để phản ánh, qua đó phê phán những tồn tại tiêu cực trong Phật giáo, rộng ra nữa là những tệ nạn trong xã hội. Dưới con mắt của nhà Nho, Nguyễn Cư Trinh đã nhìn thấy những tiêu cực của hàng tăng lữ dựa dẫm, lợi dụng Phật giáo để hưởng dục lạc, trốn tránh trách nhiệm xã hội. Trong tình hình thực tiễn lúc bấy giờ, xã hội Đàng Trong đang lâm vào sự khủng hoảng, mê tín tràn lan, lại xuất hiện những người yếm thế, trốn lánh trách nhiệm xã hội thì đó là điều không thể chấp nhận được. Có lẽ Nguyễn Cư Trinh đã biết từng có một Phật giáo thịnh đạt, dẫn thân phục vụ xã hội thời Lý - Trần nên ông có quan niệm riêng về Phật giáo. Trong tác phẩm *Sãi Vãi*, ông đòi hỏi người tu Phật phải thấu đạt nhiều tư tưởng, đồng thời dẫn thân phục vụ như những vị thiền sư trong lịch sử. Tu Phật thì phải là: *"Đạo thương người, Sãi vui giáo Thích ca; Nhân cứu chúng, Sãi vui lòng Bồ tát"* (Phan Hứa Thụy, 1989, tr.78). Đó cũng là mong muốn của ông về một Phật giáo tích cực, dẫn thân để cải tạo, phát triển xã hội.

Lực lượng sáng tác văn học Đàng Trong nói chung và vùng Thuận Quảng nói riêng có thể chia thành hai loại: 1) *Nho sĩ* bao gồm Chúa, quan lại, Nho sĩ thuần Việt và Nho sĩ gốc nước ngoài sinh sống trên vùng đất Thuận Quảng; 2) *Tu sĩ* gồm tăng sĩ Phật giáo và giáo sĩ Thiên chúa giáo. Trên thực tế, giáo sĩ Thiên chúa giáo có sáng tác ở Thuận Quảng nhưng là "thành viên của một cộng đồng thường xuyên đối diện với nguy cơ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật" nên "gần như bị hoàn toàn xóa tên trong văn học sử Việt Nam" (Cao Tự Thanh, 2015, tr.349).

Trong hai lực lượng trên thì tu sĩ thiền sư Phật giáo được sinh thành trực tiếp từ tôn giáo của họ. Các tăng sĩ này trực tiếp sáng tác và để lại một lượng lớn tác phẩm văn học Phật giáo. Những người xuất gia tu hành đạt đến trình độ cao, thâm hiểu không chỉ tư tưởng Phật giáo mà còn thấu hiểu tư tưởng của Nho giáo, Lão giáo. Họ sáng tác nhằm mục đích thể hiện tư tưởng, sự chứng ngộ của mình và quan trọng hơn là truyền bá tư tưởng Phật giáo đến với quần chúng. Họ là lực lượng chủ đạo tạo nên dòng văn học Phật giáo đặc sắc, cũng là lực lượng trọng yếu tạo nên văn học Thuận Quảng. Những thiền sư như Thích Đại Sán, Hưng Liên quốc sư, Minh Hải Pháp Bảo, Thiệt Diệu Liễu Quán, Minh Giác Kỳ Phương... Đặc biệt là Hương Hải thiền sư, Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm, Toàn Nhật Quang Đài là những tác giả

lớn của văn học Thuận Quảng thế kỷ XVII - XVIII. Các thiền sư nổi tiếng, đạt đạo đã để lại nhiều thi kệ như thi kệ thị tịch, thi kệ truyền pháp, truyền pháp, ngoài mang chức năng tôn giáo còn mang tính văn học sâu sắc, trở thành những áng thơ tuyệt tác.

Phật giáo phát triển và ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội, trong đó có sự ảnh hưởng đến giới Nho sĩ sáng tác văn chương. Nho sĩ không chỉ sống một đời với tư tưởng của Nho giáo mà họ còn tiếp thu những tư tưởng khác như tư tưởng của Đạo giáo, Phật giáo. Chủ trương “cư Nho mộ Thích” chứng minh rằng giới Nho sĩ không chỉ tôn thờ tư tưởng Nho gia mà phải/đã nắm rõ tư tưởng và sống theo lối sống Phật giáo. Chính vì vậy mà Nguyễn Công Lý nhận định tư tưởng của Nho sĩ: “là tư tưởng tổng hợp được tiếp thu từ nhiều nguồn tư tưởng học thuyết khác nhau. Đây là nguyên nhân để hình thành cảm hứng, cảm quan Thiền Phật trong thơ văn các nhà nho, góp phần làm cho nội dung tư tưởng của bộ phận văn học Phật giáo thêm phong phú, nhiều màu sắc” [6, tr.199]. Có thể kể đến những trí thức Nho học thâm hiểu Phật giáo như các chúa Nguyễn, các quan lại như Đào Duy Từ, Hào Đức Hầu, Ngô Thế Lân, Nguyễn Cư Trinh... Tư tưởng Phật giáo ảnh hưởng đến các tác phẩm của họ, chi phối quan điểm sáng tác, làm phong phú hơn những chiều kích tâm hồn trong con người họ. Từ đó cho thấy Phật giáo đã sinh thành một lực lượng cốt yếu cho nền văn học Thuận Quảng, tạo nên sự phong phú trong nội dung tư tưởng.

Một biệt sắc của văn học vùng Thuận Quảng nói riêng và văn học Đàng Trong nói chung đó là thể loại văn học, cụ thể là thể Văn. Ở Đàng Ngoài và Đàng Trong đều có thể văn, tuy nhiên thể loại này được chú trọng phát triển bởi những đặc thù của vùng miền. Thể văn được viết bằng chữ Nôm - ngôn ngữ dân tộc gắn với lời ăn tiếng nói hàng ngày, có thể diễn tả được những chiều kích cụ thể của tâm hồn đã phù hợp với tâm trạng của thành phần cư dân nơi vùng đất mới nên phát triển nổi trội trong hệ thống thể loại văn học Đàng Trong. Được đánh giá là người có công trong việc hoạch định vùng văn học Đàng Trong, Đào Duy Từ đã sử dụng thể loại này để viết *Ngọa Long cương văn* và *Tư Dung văn*. Điều này mang một giá trị lớn trong việc thúc đẩy thể loại văn học dân tộc phát triển mạnh mẽ về sau. Thể văn làm nên biệt sắc cho văn học Đàng Trong, cụ thể là văn học Thuận Quảng đã có đóng góp lớn về số lượng tác phẩm bởi các tác giả là Thiền sư. Chỉ tính riêng thiền sư Toàn Nhật Quang Đài đã có những tác phẩm rất đồ sộ: *Hứa Sử truyện văn* viết theo thể lục bát gồm 4486 câu; *Tam giáo nguyên lưu ký* viết theo thể lục bát gồm 1210 câu và 11 bài kệ thất ngôn; *Bát Nhã ngộ đạo văn* viết theo thể cổ phong xen lục bát gồm 324 câu 2 bài kệ; *Xuất gia tối lạc tỉnh thế tu hành văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 208 câu; *Tham thiền văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 190 câu và 2 bài kệ; *Thiền cơ yếu ngữ văn* viết theo thể song thất lục bát gồm 168 câu; *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ văn* viết theo thể lục bát gồm 104 câu; *Xuất gia văn* viết theo thể lục bát gồm 92 câu và 3 bài kệ. Nếu so với những truyện văn như *Tư Dung văn*, *Ngọa Long cương văn* của Đào Duy Từ, *Ai tư văn* của Ngọc Hân công chúa hay những bài văn của các tác giả Đàng Ngoài thì dung lượng những bài văn của Toàn Nhật nhiều gấp bội. Thể loại văn của văn học Phật giáo Thuận Quảng đạt được nhiều thành tựu. Với số lượng và dung lượng tác phẩm thuộc thể loại Văn đã góp phần lớn trong việc khẳng định vị trí thể loại văn học Phật giáo trong tổng thể văn học Thuận Quảng.

Như vậy, Phật giáo có một vị trí trong đời sống tư tưởng văn hóa xã hội Thuận Quảng nên ảnh hưởng không hề nhỏ đến văn học Thuận Quảng, tạo thành dòng văn học Phật giáo với diện mạo và đặc điểm nổi bật. Hay có thể nói rằng, dòng văn học Phật giáo Thuận Quảng góp phần tạo nên diện mạo và đặc điểm của văn học vùng này.

4. Văn học Phật giáo Thuận Quảng trung chuyển những giá trị của văn học Phật giáo Đàng Ngoài

Để hiểu rõ giá trị vai trò trung chuyển văn học Phật giáo thì trước hết cần phải lược qua văn học Phật giáo Thuận Quảng trước thế kỷ XVII.

Sự chuyển giao quyền lực, thống trị đất đai vùng Thuận Quảng từ thế kỷ XIV kéo dài đến thế kỷ XVI đã để vùng Thuận Quảng trở thành hoang tàn. Người Chăm ra đi đã mang theo giá trị văn hóa của họ trong khi người Việt đến chưa kịp tạo ra dấu ấn tư tưởng, văn học. Trước khi thuộc về người Việt, người Chăm đã xây dựng một nền văn hóa văn học đồ sộ trên vùng Thuận Quảng. Trên phương diện văn học, các công trình của Inrasara về văn học Chăm là nỗ lực để phục dựng một nền văn học đã tồn tại lâu dài. Trong công trình *Văn học Chăm khái luận*, Inrasara chia văn học Chăm làm hai thời kỳ lấy ranh giới là thế kỷ XVII. Thời kỳ trước thế kỷ XVII, "các sử thi xuất hiện vào giai đoạn đầu, và xa hơn là sự phát triển mạnh của văn bia ký. Đó là giai đoạn Champa còn tồn tại như một nhà nước có chủ quyền, có sức mạnh quân sự và chính trị đáng kể trong khu vực. Con người sáng tác không bị lịch sử đung chênh đến trực tiếp, sẵn sàng ca hát về những nhân vật của thần thoại, các giai nhân và anh hùng tưởng tượng, để vui lòng vua chúa hay phần nào đó an ủi tâm hồn con người ở tầng lớp dưới trong xã hội bị ảnh hưởng bởi chế độ thế cấp Bà la môn" (Inrasara, 2015, tr.39). Ảnh hưởng văn minh Ấn Độ với thượng tầng xã hội là Bà la môn giáo nên "toàn bộ văn bia ký Chăm từ thế kỷ XVI trở về trước được viết bằng chữ Phạn, và ảnh hưởng bởi Phạn ngữ" (Inrasara, 2015, tr.90). Nhưng rồi sau đó, Hồi giáo chiếm ưu thế nên "có thể nói văn học Chăm, sau thời kỳ suy tàn của bia ký, ít nhiều cũng mang dấu ấn của tôn giáo Islam" (Inrasara, 2015, tr.91). Đó là phía văn học Chăm. Còn về phía văn học Việt thì Thuận Quảng trước thế kỷ XVII chỉ nổi lên một vài tác giả như cha con Đặng Tất "đều văn võ toàn tài mà nổi danh", Nguyễn Tử Hoan, Dương Văn An... Vì là một vùng đất phen dầu nên "không có tên tuổi nào vang đến thượng quốc" (Lê Quý Đôn, 2008, tr.68). Văn học Việt trước thế kỷ XVII vẫn tập trung ở "thượng quốc", tức kinh thành vua Lê. Thời tiền Lê, Nho học độc tôn nên văn học Phật giáo không có gì nổi bật xuất sắc như thời Lý - Trần. Tuy nhiên, sang thời Hậu Lê, với những tính chất xã hội, sự phục hưng văn hóa dân tộc đã thúc đẩy sự phát triển của văn học dân tộc. Các nhà tư tưởng Phật giáo đã cố phục hưng lại nền văn học Phật giáo bằng việc sao chép, in ấn những tác phẩm văn học Phật giáo đời trước.

Khi Nguyễn Hoàng chính thức ly khai ở thế kỷ XVII, Phật giáo trở thành tư tưởng chủ đạo và đã ảnh hưởng lớn đến văn học Thuận Quảng. Phật giáo những thập niên đầu là Phật giáo của Đàng Ngoài trung chuyển vào, cụ thể đó là tư tưởng "Cư trần lạc đạo" của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Điều này có thể thấy rõ trong sáng tác của Đào Duy Từ. Với quan điểm sống đời vui đạo tùy duyên đã mở ra một lối sống phóng khoáng cho trí thức đương thời. Họ vẫn thỏa mãn đời sống tâm linh, vẫn dẫn thân để phục vụ xã hội. Trong *Tư Dung Văn*, Đào Duy Từ viết:

Sớm thời dậy,

Tối thời nằm.

Khát đào uống,

Đói cày ăn...

Hay

Há đạo đâu xa mà nhọc kiếm?

Bồ Đề kết quả ở lòng ta...

Từ đó đủ thấy tư tưởng “Cư trần lạc đạo” của thời Trần ảnh hưởng mạnh đến nếp nghĩ và cách sống của kẻ sĩ thời bấy giờ. Chính giá trị thực tiễn ấy đã giúp kẻ sĩ vượt qua những giới hạn để tìm kiếm minh chúa để phục vụ, xây dựng xã tắc.

Văn học Phật giáo Thuận Quảng thời gian đầu là sự tiếp nhận tư tưởng văn học từ Đàng Ngoài để rồi sau đó nỗ lực tìm ra hướng đi mới trong tình hình phát triển xã hội bằng mô hình Nho giáo, cụ thể là chủ trương “cư Nho mộ Thích”.

Nguyễn Cư Trinh viết *Sãi Vãi* không ngoài mục đích là xác nhận lại tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Trong khi thực tiễn xã hội với nhiều thay đổi, cảnh dân chúng khó khăn, đói khổ thì người thống trị lại lợi dụng chức quyền, hưởng thụ dục lạc. Với quan niệm Phật giáo cần phải đồng hành cùng dân tộc, dẫn thân phục vụ chúng sanh đã đánh động đến những kẻ lợi dụng Phật giáo để tư lợi, cũng là đả kích đến bọn cường quyền hưởng thụ, không nghĩ đến cảnh khổ của nhân dân.

Những tư tưởng của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã để lại nhiều dấu ấn trong sáng tác của văn học Phật giáo Thuận Quảng. Trong sáng tác của các tác giả như Đào Duy Từ, Hào Đức Hầu, Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Cư Trinh... đều có những nét đậm nhạt khác nhau thể hiện tư tưởng của thiền phái. Điều đáng chú ý hơn hết là việc sử dụng ngôn ngữ, quan điểm về Phật giáo trong văn học Phật giáo Thuận Quảng chính là quan điểm mà văn học Phật giáo Việt Nam trước đó đã sử dụng. Hào Đức Hầu, Nguyễn Cư Trinh, Thiền sư Toàn Nhật... sử dụng cách hiểu về Thiền, Phật, Bát nhã, Bồ đề... trong lý luận của mình như cách hiểu và sử dụng ngôn ngữ của Phật giáo Việt vốn dĩ đã được sử dụng bởi các trí thức Phật giáo thời Trần. Nhờ sự tiếp nối văn học Phật giáo từ Đàng Ngoài mà văn học Phật giáo Thuận Quảng góp phần tạo nên nét riêng biệt của văn học Phật giáo Việt so với văn học Phật giáo Trung Quốc.

Văn học Phật giáo Thuận Quảng tiếp nối dòng chảy của văn học Phật giáo Việt Nam không có nghĩa là tiếp nhận hoàn toàn những thành quả của nền văn học Phật giáo trước đó từ Đàng Ngoài mà văn học Phật giáo Thuận Quảng mang tính tiếp biến cộng với thực tiễn sinh hoạt đã tạo nên những biệt sắc. Đồng thời, văn học Phật giáo Thuận Quảng còn đẩy dòng chảy văn học Phật giáo Việt Nam tiến về phía Nam của Tổ quốc. Cùng với quá trình Nam tiến, các nhà sư đã mang Phật giáo Thuận Quảng tiến về phía Nam, về sau tiếp nhận và hòa nhập cùng Phật giáo tại đây để thống nhất dòng chảy của Phật giáo Việt Nam. Chính những nhà sư cùng Nho sĩ ảnh hưởng Phật giáo khi đến tiếp quản các vùng đất phía Nam cũng đã sáng tác, giao lưu cùng với vùng văn học Gia Định Tam gia, vùng văn học Hà Tiên Tao đàn Chiêu Anh các. Nguyễn Cư Trinh đã họa lại Hà Tiên thập vịnh cảnh của nhóm Tao đàn Chiêu Anh các, mang phong vị thiền tông, thấm đượm ý vị của cư dân Thuận Quảng. Đồng thời vùng văn học Gia Định, Hà Tiên đã có sự tiếp thu tư tưởng Phật giáo, văn hóa văn học từ Thuận Quảng đã làm cho văn học Phật giáo ở đây mang nhiều nét mới, có một sự dung hòa nhất định. Chính ảnh hưởng từ trung tâm (Thuận Quảng) ra ngoại vi (xứ Đàng Trong) đã đưa văn học Phật giáo Thuận Quảng tiến về phía Nam. Văn học Phật giáo Thuận Quảng vừa là cửa ngõ tiếp nhận văn học Phật giáo từ Đàng Ngoài vừa đóng vai trò trung chuyển để văn học Phật giáo Việt Nam, về sau phát triển một cách thống nhất và toàn diện.

5. Kết luận

Các thiền phái lớn đã du nhập vào Thuận Quảng như thiền phái Trúc Lâm, thiền phái Lâm Tế, thiền phái Tào Động, đặc biệt sự phát tích hai dòng thiền tại Thuận Quảng là dòng thiền Liễu Quán và dòng thiền Chúc Thánh đã tạo ra sự giao lưu mạnh mẽ, từ đó hình thành

nên nét riêng biệt của Phật giáo Thuận Quảng. Phật giáo Thuận Quảng vừa là cửa ngõ tiếp nối dòng chảy của Phật giáo Việt Nam từ Đàng Ngoài vào, vừa là nơi phát nguồn cho sự phát triển Phật giáo ở phía Nam Thuận Quảng. Chính sự phát triển đó mà Phật giáo đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa, văn học Thuận Quảng. Phật giáo Thuận Quảng tạo thành một dòng văn học Phật giáo nổi trội, góp phần làm nên diện mạo và đặc điểm của vùng văn học Thuận Quảng. Đồng thời, văn học Phật giáo Thuận Quảng còn tiếp nối và tạo dòng chảy liên tục, hoàn thiện nền văn học Phật giáo Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Lê Quý Đôn. (2008). *Phủ biên tạp lục* (Nguyễn Khắc Thuần dịch). Tập 3. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- Nguyễn Hiền Đức. (1995). *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*. Tập 2. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- Giới Hương (Phỏng dịch). (1994). *Văn bia chùa Huế*. Diệu Đế Quốc tự lưu hành, Huế.
- Inrasara. (2015). *Văn học Chăm khái luận*. Nxb Tri Thức. Hà Nội.
- Nguyễn Công Lý. (2018). *Văn học Việt Nam thời Lê Mạc, Nam Bắc phân tranh*. Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích Đại Sán. (2015). *Hải ngoại ký sự* (Hải Tiên Nguyễn Duy Bật và Nguyễn Phương dịch, Nguyễn Thanh Tùng hiệu chú, giới thiệu). Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Li Tana. (2016). *Xứ Đàng trong - lịch sử, kinh tế, xã hội Việt Nam thế kỷ 17- 18* (tái bản lần 3). Nxb Trẻ. Tp Hồ Chí Minh.
- Cao Tự Thanh. (2015). *"Văn học Đàng Trong", Văn học Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XIX - Những vấn đề lý luận và lịch sử*. Trần Ngọc Vương chủ biên. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Hứa Thụy (Sưu tầm, dịch, chú thích, giới thiệu). (1989). *Thơ văn Nguyễn Cư Trinh*. Nxb Thuận Hóa. Huế.